



Tạp chí

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

SCIENTIFIC JOURNAL - SAO DO UNIVERSITY

P. ISSN 1859-4190

E. ISSN 2815-553X



SỐ ĐẶC BIỆT

KỶ NIỆM 15 NĂM THÀNH LẬP TRƯỜNG

Số 2 (90)

2025

MỤC LỤC

| TT | Tên bài báo | Tên tác giả | Trang |
|----|--|---|-------|
| 1. | Xây dựng hệ sinh thái kinh tế số: Vai trò của giáo dục và nghiên cứu khoa học <i>Building a digital economy ecosystem: The role of education and scientific research</i> | Nguyễn Kế Nghĩa Trường Đại học Kinh tế Quốc dân | 8-16 |
| 2. | Áp dụng trí tuệ nhân tạo dự báo nhu cầu và tối ưu hóa tồn kho tại Việt Nam <i>Applying artificial intelligence to forecast demand and optimize inventory in Vietnam</i> | Nguyễn Xuân Trang Trường Kinh Tế Tài Chính - Đại học Thủ Dầu Một | 17-24 |
| 3. | Kinh nghiệm của một số địa phương về phát triển nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế số - Bài học kinh nghiệm đối với tỉnh Hải Dương <i>Experiences of some localities in developing human resources for digital economic development - Lessons learned for Hai Duong province</i> | Vũ Hồng Phong; Phan Hoàng Đức; Vũ Văn Đông Trường Đại học Sao Đỏ | 25-33 |
| 4. | Giải pháp phát huy tiềm năng và cơ hội tham gia, phát triển kinh tế số của thanh niên hiện nay <i>Solutions to promote the potential and opportunities to participate and develop the digital economy of youth</i> | Nguyễn Tuấn Anh Viện Nghiên cứu Thanh niên | 34-43 |
| 5. | Nâng cao chất lượng nguồn lực giảng viên trong các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững <i>Improving the quality of teaching resources in higher education institutions to meet the needs of sustainable development</i> | Nguyễn Thị Hiền Oanh Trường Đại học Sài Gòn | 44-52 |
| 6. | Kinh nghiệm quốc tế về quản lý nền kinh tế số và hàm ý cho Việt Nam <i>International experiences in digital economy governance and policy implications for Vietnam</i> | Luyện Thùy Dung*, Bùi Tiến Thịnh Trường Đại học Tài Chính – Quản trị kinh doanh | 53-60 |
| 7. | Số hoá ngành du lịch Quảng Bình: cơ hội và thách thức trong chuyển đổi số <i>Digital Transformation of Quang Binh's Tourism Industry: Opportunities and Challenges</i> | Phan Thị Quỳnh Trang Trường Đại học Quảng Bình | 61-69 |

| TT | Tên bài báo | Tên tác giả | Trang |
|-----|--|--|---------|
| 8. | Khung năng lực nguồn nhân lực công nghệ thông tin trong bối cảnh chuyển đổi số <i>Information technology human resource capacity framework in the context of digital transformation</i> | Lại Thị Hiếu Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì | 70-76 |
| 9. | Thương mại điện tử góp phần quan trọng phát triển kinh tế số ở Việt Nam hiện nay <i>E-commerce as a key driver of digital economy development in Vietnam</i> | Nguyễn Hữu Sơn Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh | 77-83 |
| 10. | Chuyển đổi số trong doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam hiện nay <i>Digital transformation in small and medium enterprises in Vietnam today</i> | Trần Đăng Sinh¹, Phùng Thị Lý² ¹ Hội triết học Việt Nam ² Trường Đại học Sao Đỏ | 84-93 |
| 11. | Chuyển đổi số ở thị trường lao động Việt Nam dưới góc nhìn xã hội học <i>Digital Transformation in the Vietnamese Labor Market: A Sociological Perspective</i> | Nguyễn Duy Thái^{1*}, Nguyễn Thị Hải Hà², Nguyễn Đức Chiện³ ¹ Tạp chí Xã hội học Việt Nam ² Trường Đại học Sao Đỏ ³ Viện Xã hội học | 94-100 |
| 12. | Chuyển đổi số truy xuất nguồn gốc nông sản: kinh nghiệm quốc tế và gợi ý cho Việt Nam <i>Digital transformation in agricultural product traceability: international experiences and recommendations for Vietnam</i> | Lê Quý Dương^{1*}, Nguyễn Đức Chiện², Ngô Trung Thành³, Đinh Thị Thu Hằng³, Trần Thị Thu Thủy⁴ ¹ Viện nghiên cứu truyền thống và phát triển (TARDI) ² Viện Xã hội học – Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam ³ Khoa Khoa học xã hội – Học viện Nông nghiệp Việt Nam ⁴ Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật tỉnh Hải Dương | 101-110 |
| 13. | Tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số đến phong cách lãnh đạo doanh nghiệp <i>Impacts of the Fourth Industrial Revolution and the digital transformation upon business leadership style</i> | Lưu Ngọc Trinh^{1*}, Lê Đăng Minh² ¹ Đại học Công Nghệ Giao thông vận tải ² Đại học Công nghệ Sài Gòn | 111-120 |

| TT | Tên bài báo | Tên tác giả | Trang |
|-----|--|---|---------|
| 14. | Nỗ lực thúc đẩy quá trình chuyển đổi số của Nhật Bản <i>Japan's Efforts in Promoting the Digital Transformation</i> | Phạm Thị Hồng Hoa¹, Lưu Ngọc Trinh^{2*} ¹ Trường Đại học Sao Đỏ ² Đại học Công nghệ Giao thông vận tải | 121-131 |
| 15. | Phát triển nông nghiệp trong nền kinh tế số hiện nay: Cơ hội và thách thức <i>Agricultural Development in Today's Digital Economy: Opportunities and Challenges</i> | Nguyễn Thị Ngọc Mai Viện Nghiên cứu Nam Á, Tây Á và Châu Phi | 132-140 |
| 16. | Chính sách thu hút đầu tư nước ngoài vào kinh tế số tại Việt Nam <i>Policies for attracting foreign investment into the digital economy in Vietnam</i> | Bùi Tiến Thịnh*, Nguyễn Thị Hoàng Mai Trường Đại học Tài Chính – Quản trị kinh doanh | 141-148 |
| 17. | Kinh tế số trong ngành du lịch Việt Nam: Cơ hội và thách thức <i>Digital Economy in Vietnam tourism industry: Opportunities and challenges</i> | Nguyễn Hoàng Mai¹, Nguyễn Thị Ngọc Mai² ¹ Viện nghiên cứu phát triển du lịch ² Trường Đại học Sao Đỏ | 149-158 |
| 18. | Phát triển doanh nghiệp tư nhân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng trong nền kinh tế số <i>Developing private enterprises in Da Lat city, Lam Dong province in the digital economy</i> | Trương Minh Hoài^{1*}, Lê Thị Lại² ¹ Trường Đại học Đà Lạt ² Trường cao đẳng Đà Lạt | 159-165 |
| 19. | Phổ cập hiểu biết ứng dụng fintech – Gợi ý giải pháp chuyển đổi số <i>Popularizing fintech application knowledge - Digital transformation solution suggestions</i> | Lê Thị Thúy Hà Phân hiệu Bắc Ninh – Học viện Ngân hàng | 166-175 |
| 20. | Quá trình phát triển và xu hướng thị trường thương mại điện tử trong tương lai ở Việt Nam <i>The development process and future trends of the e-commerce market in Vietnam</i> | Nguyễn Thị Huệ Trường Đại học Sao Đỏ | 176-186 |
| 21. | Giải pháp phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn Việt Nam trong kỷ nguyên số <i>Solutions for agricultural and rural economic development in Vietnam in the digital era</i> | Ngô Thị Luyện Trường Đại học Sao Đỏ | 187-194 |
| 22. | Một số giải pháp phát triển nguồn nhân lực trong xây dựng kinh tế số tại Việt Nam <i>Some solutions for human resource development in building digital economy in Vietnam</i> | Hoàng Thị Hoa Trường Đại Học Sao Đỏ | 195-204 |

| TT | Tên bài báo | Tên tác giả | Trang |
|-----|---|--|---------|
| 23. | Ứng dụng AI trong hoạt động marketing tại doanh nghiệp - Cơ hội và thách thức <i>Applying AI in marketing activities at enterprises - Opportunities and challenges</i> | Nguyễn Thị Thủy Trường Đại học Sao Đỏ | 205-212 |
| 24. | Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong phát triển du lịch thông minh tại tỉnh Hải Dương <i>Application of artificial intelligence (AI) in tourism development smart in Hai Duong province</i> | Vũ Thị Hương Trường Đại học Sao Đỏ | 213-221 |
| 25. | Hệ thống thông tin kế toán tại các doanh nghiệp Việt Nam trong nền kinh tế số <i>Accounting information systems in Vietnamese enterprises in the digital economy</i> | Vũ Thị Lý Trường Đại học Sao Đỏ | 222-231 |
| 26. | Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hàng tồn kho, hiệu quả tại doanh nghiệp <i>Application of information technology in inventory management, efficiency in business</i> | Vũ Thị Thanh Thủy Trường Đại học Sao Đỏ | 232-240 |
| 27. | Kinh tế số và giải pháp phát triển mô hình kinh tế số tại Việt Nam <i>Digital economy and solutions for developing digital economic models in Vietnam</i> | Nguyễn Minh Tuấn* , Phạm Thị Hồng Hoa Trường Đại học Sao Đỏ | 241-249 |
| 28. | Ảnh hưởng của áp dụng trí tuệ nhân tạo đến năng suất lao động trong các doanh nghiệp thương mại điện tử tại Việt Nam <i>The influence of artificial intelligence adoption on workforce productivity in Vietnam e-commerce enterprises</i> | Nguyễn Thị Huyền Trang* , Trần Trọng Đức , Lê Khánh Duyên , Nguyễn Tuấn Minh , Nguyễn Hữu Hoàng Phúc , Đinh Thị Hồng Thắm Trường Đại học Kinh tế Quốc dân | 250-257 |
| 29. | Rủi ro gian lận báo cáo tài chính trong môi trường số và giải pháp kiểm toán số tại Việt Nam <i>Risk of financial reporting fraud in the digital environment and digital audit solutions in Vietnam</i> | Đinh Thị Kim Thiết Trường Đại học Sao Đỏ | 258-265 |
| 30. | Hoàn thiện thể chế tạo tiền đề cho sự phát triển kinh tế số tại Việt Nam trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc <i>Perfecting the institutional framework as a prerequisite for digital economy development in Vietnam amidst the nation's rise</i> | Đậu Ngọc Linh Học viện cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh | 266-273 |

| TT | Tên bài báo | Tên tác giả | Trang |
|-----|--|---|---------|
| 31. | Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế số và hàm ý chính sách cho Việt Nam <i>Factors influencing digital economy development and policy implications for Vietnam</i> | Hồ Thị Hà Trường Kinh tế tài chính - Trường Đại học Thủ Dầu Một | 274-281 |
| 32. | Thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam: Thách thức và giải pháp <i>Promoting digital transformation in small and medium-sized enterprises (SMES) in Vietnam: Challenges and solutions.</i> | Nguyễn Thị Minh Hiếu^{1*}, Nguyễn Thị Huyền Trang² ¹ Trường Đại học Lao động Xã hội cơ sở II ² Trường Cao đẳng Công nghệ cao Đồng Nai | 282-289 |
| 33. | Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu kinh tế số ở Việt Nam hiện nay <i>Developing human resources to meet digital economy requirements in Vietnam today</i> | Tạ Thị Năm Trường Đại học Công đoàn | 290-297 |
| 34. | Cải tiến phương pháp kiểm tra - đánh giá nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số <i>Improving assessment methods – enhancing student training quality in the context of digital transformation</i> | Nguyễn Thị Thuỳ Trinh Trường Cao đẳng Đà Lạt | 298-305 |
| 35. | Giải pháp nâng cao năng lực số của giảng viên đại học trong giai đoạn chuyển đổi số <i>Solutions to improve digital capabilities of university lecturers during the digital transformation period</i> | Nguyễn Thị Hiền Học Viện Ngân Hàng - Phân Viện Phú Yên | 306-316 |
| 36. | Giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam trong kỷ nguyên số <i>Solutions to promote digital transformation of small and medium enterprises of Vietnam in the digital age</i> | Đinh Mạnh Tuấn^{1*}, Lê Thanh Thảo² ¹ Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ ² Công ty IPCOM Vietnam | 317-323 |
| 37. | Ứng dụng công nghệ số trong công tác giảng dạy <i>Applying digital technology in teaching</i> | Nguyễn Thị Hồng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG TP HCM | 324-331 |
| 38. | Điều kiện có hiệu lực của hợp đồng thông minh: Góc nhìn pháp lý trong bối cảnh phát triển kinh tế số <i>The validity conditions of smart contracts: A legal perspective in the context of digital economic development</i> | Nguyễn Phương Uyên*, Thái Trần Văn Huế, Nguyễn Thị Diệu Hiền, Nguyễn Khánh Linh Trường Đại học Kinh tế Quốc dân | 332-339 |

| TT | Tên bài báo | Tên tác giả | Trang |
|-----|--|--|---------|
| 39. | Phân tích tích hợp các đổi mới FinTech trong ngành ngân hàng: Những cải tiến và thách thức <i>Integrated Analysis of FinTech Innovations in Banking: Enhancements and Challenges</i> | Phí Văn Trọng* , Trần Thị Nam Thanh Trường Đại học Kinh tế quốc dân | 340-349 |
| 40. | Một số vấn đề về chuyển đổi số trong lĩnh vực ngân hàng Việt Nam hiện nay <i>Some issues on digital transformation in the banking sector in Vietnam today</i> | Nguyễn Thị Huệ Viện Nghiên cứu Văn hoá – Viện Hàn lâm KHXHVN | 360-359 |
| 41. | Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu xây dựng nền kinh tế số của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập khu vực Châu Á - Thái Bình Dương hiện nay <i>Developing high-quality human resources to meet the demands of building Vietnam's digital economy in the context of regional integration in the Asia-Pacific today</i> | Tiêu Thị Thu Ngân* , Nguyễn Phương Linh , Vũ Tuấn Nghĩa Trường Đại học Ngoại thương | 360-367 |
| 42. | Thực trạng chuyển đổi số ngành ngân hàng tại Việt Nam <i>The current situation of digital transformation of the banking industry in Vietnam</i> | Lương Thị Hoa Trường Đại học Sao Đỏ | 368-376 |
| 43. | Giải pháp chuyển đổi số trong công tác kế toán tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương <i>Solutions for digital transformation in accounting practices at businesses in Hai Duong province</i> | Nguyễn Thị Quỳnh Trường Đại học Sao Đỏ | 377-385 |
| 44. | Phát triển năng lực số cho sinh viên các trường đại học trong giai đoạn hiện nay <i>Developing digital competencies for university students in the current context</i> | Nguyễn Thị Lý Trường Đại học Lâm nghiệp | 386-394 |
| 45. | Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng hàng Việt trên sàn thương mại điện tử tại Việt Nam <i>Study on factors influencing Vietnamese consumer behavior on E-commerce platforms in Vietnam</i> | Trần Cương , Trần Thị Quý Chinh* Trường Kinh tế, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội | 395-403 |

| TT | Tên bài báo | Tên tác giả | Trang |
|-----|---|--|---------|
| 46. | Các nhân tố ảnh hưởng đến ứng dụng công nghệ thông tin tại các doanh nghiệp Logistics trên địa bàn thành phố Hà Nội <i>Factors influencing the application of information technology in Logistics Enterprises in Hanoi</i> | Trần Thị Quý Chinh* , Trần Cương , Nguyễn Thị Mai Anh , Phạm Thị Hương Giang Trường Kinh tế, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội | 404-412 |
| 47. | Sử dụng lý thuyết TAM trong nghiên cứu nhận thức và mức độ tương tác của giảng viên và sinh viên kế toán, kiểm toán với ứng dụng AI trong đào tạo đại học. <i>Utilizing TAM Theory to study the perception and interaction of accounting and auditing lecturers and students with AI-powered tools in higher education</i> | Phùng Đặng Diệp Chi , Nguyễn Khánh Ly , Nguyễn Thu Ngân , Phạm Thành Long* Trường Đại học Kinh tế Quốc dân | 413-421 |
| 48. | Áp dụng thuế bất động sản trong bối cảnh chuyển đổi số: Kinh nghiệm từ Nga, Hoa Kỳ, Singapore và hàm ý chính sách cho Việt Nam <i>Real estate taxation in the digital age: Implementation insights from Russia, the United States, Singapore, and policy implications for Vietnam</i> | Nguyễn Văn Lộc , Nguyễn Văn Phương , Phạm Ngọc Hương Quỳnh* Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội | 422-431 |
| 49. | Tác động của quản trị nhân sự số đến kết quả làm việc của nhân viên tại các cơ sở giáo dục tại Hà Nội <i>The impact of digital human resource management on employee performance in educational institutions in Ha Noi</i> | Nguyễn Minh Phương¹ , Đào Thị Hà Anh^{2*} , Nguyễn Văn Lộc² ¹ Trường Đại học Việt Nhật - Đại học Quốc gia Hà Nội ² Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội | 432-441 |
| 50. | Một số vấn đề lý luận và thực tiễn giải pháp tăng cường thực thi chính sách hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam <i>Some theoretical and practical issues on solutions to strengthen the implementation of policies to support digital transformation for small and medium-sized enterprises in Vietnam</i> | Phạm Thanh Tùng Ban Tổ chức – Kiểm tra Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh | 442-450 |

Phát triển doanh nghiệp tư nhân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng trong nền kinh tế số

Developing private enterprises in Da Lat city, Lam Dong province in the
digital economy

Trương Minh Hoài^{1*}, Lê Thị Lại²

Trường Đại học Đà Lạt

Trường Cao đẳng Đà Lạt

Email:

tmhoai.dhkt24@hueui.edu.vn

Ngày nhận bài: 22/02/2025

Ngày nhận bài sửa theo phản biện: 06/4/2025

Ngày chấp nhận đăng: 11/5/2025

Tóm tắt

Nghiên cứu này hướng đến tìm các giải pháp phát triển doanh nghiệp tư nhân (DNTN) của thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng hiện nay. Nghiên cứu dựa trên dữ liệu thứ cấp lấy từ số liệu cục thống kê tỉnh Lâm Đồng về số lượng doanh nghiệp, số vốn đăng ký, số lao động của các doanh nghiệp và số liệu điều tra của tác giả. Phương pháp nghiên cứu chủ yếu là phân tích thống kê mô tả các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển DNTN. Kết quả đã phân tích thực trạng phát triển DNTN thành phố Đà Lạt cho thấy các doanh nghiệp tư nhân thành phố Đà Lạt chủ yếu tăng trưởng về số lượng, chưa nâng cao chất lượng, tỷ lệ phát triển không ổn định qua các năm, các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển DNTN như thị trường tiêu thụ, nguồn lực đầu vào của địa phương, giao thông, cơ sở hạ tầng, sự kết nối sản xuất trong liên kết chuỗi giá trị, quy trình thủ tục hành chính, hoạt động xúc tiến đầu tư. Kết quả nghiên cứu làm cơ sở đề xuất các chính sách, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động cho các DNTN thành phố Đà Lạt.

Từ khóa: *Doanh nghiệp tư nhân, Đà Lạt, hiện nay, phát triển.*

Abstract

This study aims to find solutions for the development of private enterprises in Da Lat city, Lam Dong province, at present. The research is based on secondary data from the Lam Dong provincial statistics office regarding the number of enterprises, registered capital, workforce of the enterprises, and survey data collected by the author. The main research method is descriptive statistical analysis of the factors affecting enterprise development. The results analyzed the current situation of private enterprise development in Da Lat city,

showing that private enterprises in Da Lat mainly grow in quantity, without improving quality, with an unstable growth rate over the years. Factors influencing the development of private enterprises include the consumption market, local input resources, transportation, infrastructure, production connectivity within the value chain, administrative procedures, and investment promotion activities. The research results serve as a basis for proposing policies and solutions to enhance the operational efficiency of private enterprises in Da Lat city.

Keywords: *Private enterprises, Da Lat, currently, development.*

1. GIỚI THIỆU

Trong những năm qua doanh nghiệp tư nhân tỉnh Lâm Đồng nói chung và doanh nghiệp tư nhân thành phố Đà Lạt nói riêng đã có nhiều đóng góp to lớn vào phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tuy nhiên việc phát triển của các doanh nghiệp tư nhân thành phố Đà Lạt là chưa ổn định và bền vững. Để có một nghiên cứu tổng thể thực trạng phát triển DNTN thành phố Đà Lạt để thấy được những mặt ưu điểm và hạn chế trong phát triển DNTN từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển bền vững DNTN tại thành phố Đà Lạt là yêu cầu cấp thiết trong phát triển kinh tế của địa phương hiện nay.

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Khái niệm doanh nghiệp tư nhân

Theo khoản 10, điều 4, Luật Doanh nghiệp 2020 định nghĩa: *Doanh nghiệp là một tổ chức kinh tế, có tên riêng, có tài sản riêng và có trụ sở giao dịch ổn định, được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh.* Đây là khái niệm có nghĩa rộng, đầy đủ và chặt chẽ, vì thế được sử dụng xuyên suốt trong đề tài.

Bên cạnh đó, theo điều 188 của Luật

doanh nghiệp 2020 định nghĩa, *Doanh nghiệp tư nhân được hiểu là doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp.*

Doanh nghiệp tư nhân không được phát hành bất kỳ loại chứng khoán nào. Mỗi cá nhân chỉ được quyền thành lập một DNTN. chủ DNTN không được đồng thời là chủ hộ kinh doanh, thành viên công ty hợp danh. DNTN không được quyền góp vốn thành lập hoặc mua cổ phần, phần vốn góp trong công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần.

DNTN được nghiên cứu trong bài viết là doanh nghiệp có vốn tư nhân, bao gồm các đối tượng là: Công ty cổ phần, công ty TNHH Một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân theo Luật Doanh nghiệp 2020.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng các phương pháp nghiên cứu định tính như phân tích tổng hợp, logic – lịch sử và thống kê kinh tế nhằm phân tích các số liệu thứ cấp về doanh nghiệp tư nhân thành phố Đà Lạt.

Bảng 1: Số lượng doanh nghiệp tư nhân thành phố Đà Lạt giai đoạn 2018 – 2022

Đơn vị: Doanh nghiệp

| Các loại hình DNTN | Năm 2018 | Năm 2019 | Năm 2020 | Năm 2021 | Năm 2022 |
|---------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| TỔNG SỐ | 1.744 | 2.048 | 2.076 | 2.122 | 2.224 |
| DN tư nhân | 234 | 227 | 250 | 181 | 164 |
| % so với tổng số DN | 13,5 | 11,08 | 12,04 | 8,53 | 7,37 |
| Công ty hợp doanh | 2 | 4 | 4 | 3 | 7 |
| % so với tổng số DN | 0,11 | 0,19 | 0,19 | 0,14 | 0,31 |
| Công ty TNHH | 1.349 | 1.656 | 1.625 | 1.668 | 1.807 |
| % so với tổng số DN | 77,35 | 80,85 | 78,28 | 78,63 | 81,25 |
| Công ty cổ phần | 159 | 161 | 197 | 270 | 246 |
| % so với tổng số DN | 9,13 | 7,88 | 9,49 | 12,7 | 11,06 |

Nguồn niên giám thống kê thành phố Đà Lạt năm 2023

Bằng việc sử dụng các phương pháp nghiên cứu này, tác giả đã khái quát và xây dựng được khái niệm doanh nghiệp tư nhân, phân tích tình hình phát triển doanh nghiệp tư nhân thành phố Đà Lạt giai đoạn 2018 – 2022. Kết quả nghiên cứu từ những phương pháp này đã góp phần xây dựng một bức tranh về phát triển doanh nghiệp tư nhân thành phố Đà Lạt, là căn cứ quan trọng để xác định những mặt đạt được cần phát huy, những mặt hạn chế cần khắc phục trong thời gian tới. Từ đó đề xuất một số giải pháp góp phần phát triển doanh nghiệp tư nhân trong thời gian tới.

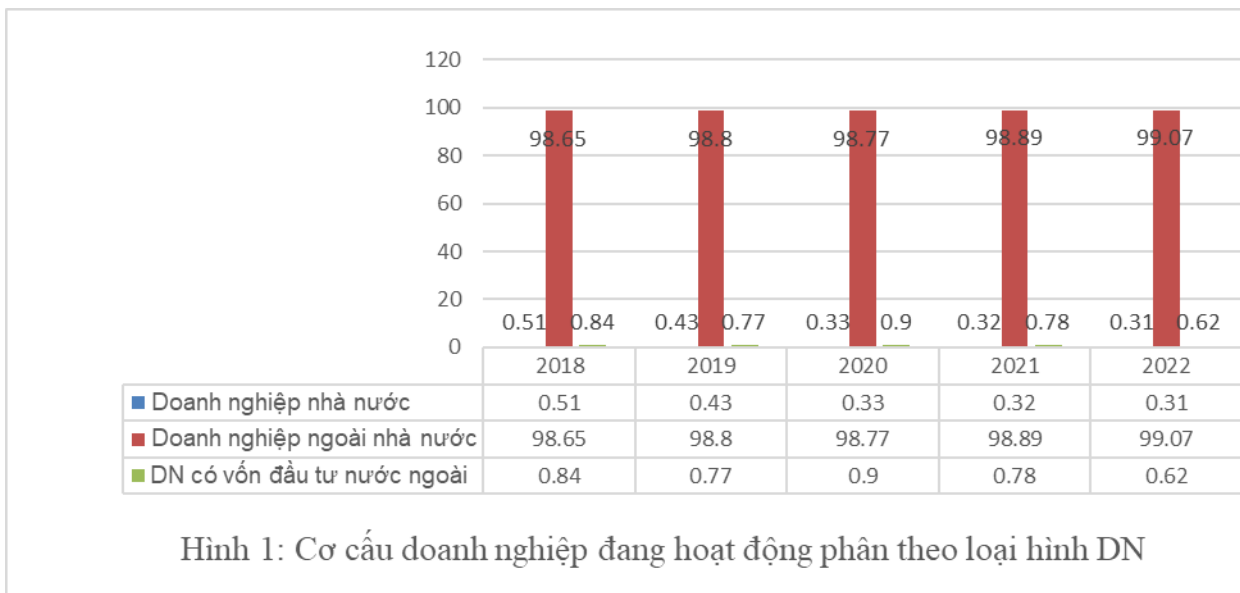
3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng phát triển doanh nghiệp tư nhân thành phố Đà Lạt

3.1.1. Số lượng, quy mô doanh nghiệp tư nhân

Theo nguồn niên giám thống kê năm 2023 tổng số DN tư nhân hoạt động trên địa bàn thành phố năm 2022 là 2.224 DNTN chiếm 36,7% tổng số DN của tỉnh Lâm Đồng. Trung bình mỗi năm DNTN thành phố Đà Lạt tăng khoảng 120 doanh nghiệp.

Trong tổng số doanh nghiệp thuộc các doanh nghiệp tư nhân của thành phố Đà Lạt đang hoạt động đến 31/12/2022, thì loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn chiếm đa số (Năm 2022 chiếm đến 81,25%), kế đến là loại hình doanh nghiệp tư nhân, rồi đến công ty cổ phần và cuối cùng là công ty hợp doanh.



3.1.2. Số lao động trong các doanh nghiệp tư nhân

Theo nguồn niên giám thống kê thành phố Đà Lạt năm 2023. Số lao động trong các doanh nghiệp tư nhân thành phố Đà Lạt trung bình giai đoạn 2018 – 2022 là 19.296 lao động/năm, chiếm 72,28% tổng số lao động của thành phố Đà Lạt. Tính đến

31/12/2022, số lượng lao động làm việc trong các doanh nghiệp tư nhân thành phố Đà Lạt là 20.227 người. Trong đó loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn thu hút lao động nhiều nhất, kế đến là công ty cổ phần, tiếp theo là doanh nghiệp tư nhân và cuối cùng là công ty hợp doanh (Bảng 2).

Bảng 2: Tình hình sử dụng lao động trong các DNTN

Đơn vị: Người

| | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 |
|----------------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|
| TỔNG SỐ | 20.153 | 20.806 | 17.669 | 18.319 | 20.227 |
| Doanh nghiệp tư nhân | 1.237 | 1.170 | 1.085 | 838 | 521 |
| % so với tổng số | 6,14 | 5,63 | 6,14 | 4,56 | 2,58 |
| Công ty hợp doanh | 25 | 29 | 25 | 27 | 90 |
| % so với tổng số | 0,12 | 0,13 | 0,14 | 0,15 | 0,44 |
| Công ty TNHH | 13.259 | 13.714 | 10.297 | 10.616 | 11.691 |
| % so với tổng số | 65,79 | 65,92 | 58,28 | 57,94 | 57,80 |
| Công ty cổ phần | 5.632 | 5.893 | 6.262 | 6.838 | 7.925 |
| % so với tổng số | 27,95 | 28,32 | 35,44 | 37,35 | 39,18 |

Nguồn niên giám thống kê thành phố Đà Lạt năm 2023

3.2. Đánh giá chung về phát triển doanh nghiệp tư nhân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

3.2.1. Những kết quả nổi bật

Với những nỗ lực của chính quyền và cộng đồng DN, kết quả phát triển DN tại địa bàn thành phố Đà Lạt trong thời gian qua đã đạt được những thành công nhất định như sau:

Thứ nhất, số lượng, quy mô DNTN ở thành phố Đà Lạt đã có những sự cải thiện rõ rệt và rất đáng khích lệ.

Các kết quả phân tích đã cho thấy số lượng DN tại thành phố Đà Lạt trong những năm gần đây đã có sự phát triển vượt bậc so với mặt bằng chung của cả nước. Số lượng DN đang hoạt động, tỷ lệ hoạt động của DN trên số lượng đăng ký thành lập của thành phố Đà Lạt cũng cao hơn nhiều so với mặt bằng chung cả nước và có xu hướng tăng dần qua các năm. Mức tăng trưởng DN tại thành phố Đà Lạt trước đại dịch COVID-19 khá cao hơn mức chung của cả nước, trung bình giai đoạn 2018 - 2019, số DN cả nước tăng trung bình khoảng hơn 10%/năm (Niên giám Thống kê, 2023). Tuy nhiên sang giai đoạn 2020 – 2022 do ảnh hưởng đại dịch COVID-19 số lượng đăng ký có giảm đáng kể.

Về loại hình DN, các DN đăng ký ngày càng nhiều hơn ở các loại hình công ty TNHH và công ty cổ phần. Tư duy của chủ sở hữu của DN ngày càng có sự thay đổi lớn, chú trọng hơn vào quản trị DN, tách bạch giữa hoạt động của DN với quy mô gia đình, có định hướng để phát triển DN với tư cách pháp nhân đầy đủ để dễ dàng hơn trong đàm phán và tiếp cận thị trường. Năm 2022 Số lượng DNTN của thành phố chiếm đến 98% lượng DN (Niên giám Thống kê, 2023).

Thứ hai, đóng góp của DNTN thành phố

Đà Lạt có sự chuyển biến tích cực và dần khẳng định vị trí là động lực quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế thành phố.

Về tăng trưởng GDP, khối DNTN tăng trưởng cao hơn mức tăng trưởng chung của thành phố và khu vực DNNN. So với khu vực nhà nước, khối DNTN vẫn có sự hoạt động năng động hơn và có xu hướng tăng trưởng ngày càng cao hơn. Trong giai đoạn 2018 - 2022, khối DNTN thành phố Đà Lạt trong khu vực kinh tế ngoài nhà nước luôn có sự tăng trưởng cao hơn mức tăng trưởng chung của khu vực DNNN. Điều này cho thấy so với khu vực doanh nghiệp nhà nước, khối DNTN vẫn có sự phát triển và hoạt động năng động hơn. Đóng góp cho ngân sách thành phố từ khu vực kinh tế ngoài nhà nước góp phần tăng tiềm lực để phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Thứ ba, sự phát triển của DNTN đã góp phần giải quyết việc làm, nhiều vấn đề xã hội, đảm bảo thể hiện tính định hướng XHCN của nền kinh tế địa phương.

Các DNTN đã vượt qua khu vực DNNN về tạo việc làm nâng cao thu nhập cho người lao động. Giai đoạn 2018 - 2022 số lao động trong khu vực DNTN thành phố Đà Lạt đều chiếm trên 75% tổng số lao động trong DN của thành phố.

3.2.2. Những tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, phát triển DNTN tại địa bàn thành phố trong thời gian qua cũng còn những hạn chế nhất định, thể hiện như sau:

Thứ nhất, sự phát triển về số lượng DNTN trên địa bàn thành phố Đà Lạt nói riêng và tỉnh Lâm Đồng nói chung là không đồng đều qua các năm, chưa đáp ứng được mục tiêu kỳ vọng cũng như chưa tương xứng với tiềm năng kinh tế của thành phố và của tỉnh.

Đặc biệt trong 6 tháng đầu năm 2024 doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn. Theo đó, số doanh nghiệp thành lập mới của tỉnh giảm cả về số lượng và số vốn đăng ký (582 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký 2.676 tỷ đồng, giảm 14,3% về số doanh nghiệp và 30,7% về vốn đăng ký so với cùng kỳ), doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động tăng so với cùng kỳ (578 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động, tăng 26,5% so cùng kỳ). Tỷ lệ giải thể và tạm ngừng hoạt động kinh doanh cao nhất ở khu vực dịch vụ với tỷ lệ 72,64%. [4].

Thứ hai, Sự suy giảm niềm tin của một số doanh nghiệp với một số chính sách của tỉnh và thành phố đặc biệt trong vài năm trở lại đây. Những năm trước đây, Lâm Đồng luôn đứng đầu các tỉnh Tây Nguyên và trong top đầu cả nước về chỉ số GRDP (tổng sản phẩm trên địa bàn). Vậy nhưng 6 tháng đầu năm 2024, địa phương này lại đứng cuối trong 5 tỉnh Tây Nguyên và đứng thứ 58/63 tỉnh, thành cả nước. Không chỉ vậy, chỉ số PCI (năng lực cạnh tranh cấp tỉnh) của Lâm Đồng năm 2022 đứng thứ 17, đến năm 2023 đã tụt xuống 56/63 tỉnh-thành. Đáng chú ý, theo báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng, trong gần 6 tháng đầu năm 2024 trên địa bàn tỉnh không có dự án đầu tư cấp mới, nghĩa là không có 1 nhà đầu tư nào tìm đến tỉnh Lâm Đồng.

Thứ ba, các DNTN thiếu chuẩn bị các điều kiện để có thể thực sự hoạt động sản xuất kinh doanh sau khi đã đăng ký. Nhiều DN thành lập khi các điều kiện chưa chín muồi, đặc biệt là các điều kiện về khả năng sản xuất và tiếp cận thị trường nên dẫn đến các trường hợp “chết lâm sàng”. DNTN được điều phối theo luật DN nhưng suy cho cùng cũng chưa có tư cách pháp nhân, tài sản của DN không có sự tách bạch rõ ràng

với chủ sở hữu, mô hình kinh doanh thực chất còn gắn với hộ gia đình, mô hình quản trị DN chưa hiện đại.

Thứ tư, tỷ trọng đóng góp cho nguồn thu ngân sách nhà nước của các DNTN thành phố Đà Lạt chưa cao. Theo số liệu niên giám thống kê năm 2023 đóng góp nguồn thu ngân sách của các DNTN thành phố Đà Lạt chỉ 19,61%. Trong khi đó mức thu trung bình của toàn tỉnh năm 2022 của khu vực DNTN là 21,48%.

4. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ GIẢI PHÁP

Từ kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp phát triển doanh nghiệp tư nhân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng cụ thể:

Thứ nhất, Hoàn thiện môi trường kinh doanh và các nguồn lực phát triển kinh tế: Thành phố Đà Lạt cần xây dựng các chính sách và chương trình để cải thiện môi trường đầu tư, sản xuất tại địa phương, đặc biệt là khâu thực thi để vận hành trong thực tế. Các giải pháp tỉnh cần tập trung vào: (i) xây môi trường thể chế thông thoáng và minh bạch tạo thuận lợi cho các DN phát triển; (ii) nâng cao khả năng thực thi các chính sách ưu đãi, tạo niềm tin cho DN khi tiếp cận các chính sách; (iii) phát triển nguồn nhân lực có trình độ cao, đáp ứng yêu cầu của nhà đầu tư và DN; (iv) hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hệ thống giao thông.

Thứ hai, Nâng cao hiệu quả xây dựng và thực thi chính sách. Thành phố Đà Lạt cần đẩy mạnh nghiên cứu và ban hành chính sách đồng bộ, phù hợp với cam kết quốc tế cũng như các chính sách của Trung ương, phù hợp với điều kiện địa phương nhằm tạo thuận lợi để các DNTN tham gia cạnh tranh, phát triển sản xuất, kinh doanh nội địa, đẩy mạnh xuất khẩu.

Thứ ba, Thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, thành lập doanh nghiệp. Thành phố cần tập trung thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng về các hoạt động thúc đẩy phong trào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, kiến tạo môi trường khởi nghiệp thực chất, thúc đẩy khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp.

Thứ tư, Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại. xây dựng danh mục các dự án đầu tư ưu tiên để kêu gọi đầu tư. Việc ưu tiên kêu gọi đầu tư vào các dự án này trên cơ sở tận dụng nguồn nguyên liệu sẵn có tại địa phương.

Thứ năm, Thúc đẩy phát triển kinh tế số, chuyển đổi số. Chuyển đổi số là giải pháp quan trọng và là xu hướng tất yếu để các DNTN nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả sản xuất, tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu, tăng tốc hội nhập và phát triển bền vững.

Thứ sáu, Đổi mới tư duy, nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh. Thay đổi tư duy và nhận thức về vai trò của DNTN trong phát triển kinh tế - xã hội, từ đó đổi mới nhanh và toàn diện hơn các nội dung và phương thức quản lý nhà nước đối với phát triển DNTN trên địa bàn. Hoàn thiện tổ chức bộ máy và

nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quản lý nhà nước về DNTN.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

[1]. Nguyễn Đình Bình (2023), Giải pháp phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế, Tạp chí phát triển Khoa học và Công nghệ - Kinh tế - Luật và quản lý, Số 7, Tháng 6/2023.

[2]. Cục thống kê tỉnh Lâm Đồng (2024), *Niên giám thống kê thành phố Đà Lạt 2023*, NXB Thống kê.

[3]. Cục thống kê tỉnh Lâm Đồng (2023), *Niên giám thống kê tỉnh Lâm Đồng 2022*, NXB Thống kê.

[4]. C. Phong (2024), *Số doanh nghiệp thành lập mới giảm 14,3%*, Báo Lâm Đồng online ngày 02/07/2024.

[5]. Nguồn: <https://baolamdong.vn/kinh-te/202407/so-doanh-nghiep-thanh-lap-moi-giam-143-f412aca/>.

[6]. Quốc Hội (2020), *Luật doanh nghiệp*, Ban hành ngày 08/07/2020.

[7]. Đỗ Tuấn Vũ (2023), *Các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa*, Tạp chí Kinh tế & Phát triển, Số 310, tháng 4/2023.

THÔNG TIN TÁC GIẢ:

Trương Minh Hoài^{1*}, Lê Thị Lại²

¹Trường Đại học Đà Lạt

²Trường Cao đẳng Đà Lạt

*Email: tmhoai.dhkt24@hueui.edu.vn

ĐT: 090 7662248



BỘ CÔNG THƯƠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

Địa chỉ:

- Số 1: Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
- Số 2: Số 72, đường Nguyễn Thái Học, phường Thái Học, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
- Điện thoại: (0220) 3882 269 Fax: (0220) 3882 921 Website: <http://saodo.edu.vn> Email: info@saodo.edu.vn

**P. ISSN 1859-4190
E. ISSN 2815-553X**

Số 2 (90)

2025

Địa chỉ Tòa soạn:

Trường Đại học Sao Đỏ.

Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882 921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.

Website: <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>/Email: tapchikhcn@saodo.edu.vn.

Giấy phép xuất bản số: 620/GP-BTTTT ngày 17/9/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông.
In 2.000 bản, khổ 21 × 29,7cm, tại Công ty TNHH in Tre Xanh, cấp ngày 17/02/2011.